

**Đổi mới chính sách về giáo dục, nâng cao dân trí  
và phát triển nguồn nhân lực vùng đặc biệt khó khăn  
để giảm nghèo bền vững**

<http://tapchicongsan.org.vn/>  
7/2/2011

**TCCS - Đề phát triển kinh tế - xã hội trước hết cần quan tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Giáo dục là nhân tố hàng đầu để tạo ra nguồn nhân lực ấy. Và, nó cần được vun đắp ngay từ các bậc học cơ bản đầu tiên trong cải cách giáo dục, nhất là đối với vùng đặc biệt khó khăn.**

Giáo dục là nhân tố quan trọng hàng đầu trong việc hình thành và phát triển nguồn nhân lực, nhất là đối với các vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, nơi mà nguồn nhân lực cần được chú trọng vun đắp ngay từ các bậc học thuộc hệ giáo dục cơ bản để giảm nghèo bền vững cho tương lai.

**Thực trạng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn**

Trong một khảo sát tại 3 vùng: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ năm 2009 cho thấy vẫn còn nhiều rào cản hạn chế khả năng tiếp cận cơ hội học tập cho trẻ em gia đình nghèo. Nhóm gia đình có mức sống khá giả nhất chi cho giáo dục nhiều gấp gần 11 lần so với nhóm nghèo nhất. Đối với những hộ càng nghèo, thì việc chi cho giáo dục của con em họ càng là gánh nặng đối với ngân sách gia đình.(1) Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ở Việt Nam, hằng năm, có khoảng 3,6% số học sinh trong độ tuổi không được đến trường. Tỷ lệ học sinh ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nạn bỏ học cao hơn so với các vùng kinh tế trọng điểm và các khu đô thị (ở đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ học sinh bỏ học là 2,96%; khu vực Tây Bắc 6,91%; Tây Nguyên 17,16% và đồng bằng sông Cửu Long 12,64%). Ở các vùng núi cao, số trẻ em gái không biết chữ ở nhóm 10 tuổi là 13,69%, 11 - 14 tuổi là 7,98%, 15 - 17 tuổi là 9,08%. Nếu tính theo nhóm dân tộc thì số trẻ em gái mù chữ người Mông là 90%, Hà Nhì 89%, Gia Rai 83%, Ba Na 82%(2).

Mô hình trường bán trú là mô hình nổi trội tại các vùng đặc biệt khó khăn nhưng có đến 82,81% số trường chưa có giường nằm; 92,19% số trường chưa có nhà vệ sinh, nhà tắm; 84,38% số trường chưa có nguồn nước sạch. Đợt khảo sát thực trạng giáo dục 9 dân tộc rất ít người(3) sinh sống ở các vùng đặc biệt khó khăn của Vụ Giáo dục - Dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ tháng 3 đến tháng 6-2009), cho thấy: trình độ văn hóa chung của con em đồng bào nhóm dân tộc rất ít

người này số người mù chữ, tái mù chữ, thất học chiếm tỉ lệ cao như: dân tộc Công chiếm 70,3%, Si La 73%..., tỷ lệ người biết tiếng phổ thông chỉ khoảng 15%. Tính đến năm 2007, mới chỉ có 29 học sinh thuộc các dân tộc rất ít người được cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng. Dân tộc Brâu chưa có người nào đạt trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.

Một khảo sát mới nhất năm 2010, tại 20 bản dân tộc Mảng sinh sống, chỉ 7 bản có phòng học kiên cố và bán kiên cố, còn lại là nhà tạm. ở nhiều thôn, bản vùng đồng bào dân tộc Cờ Lao, Bô Y, Pu Péo tại tỉnh Hà Giang, dân tộc Công, Mảng tại tỉnh Lai Châu, phòng học mầm non hầu hết ở dạng bán kiên cố và nhà tạm. Đội ngũ giáo viên thiếu và còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, hoặc nếu đủ về số lượng thì lại mất cân đối, thiếu đồng bộ về môn học, rất ít người biết tiếng dân tộc; học sinh lại không thông thạo tiếng Việt, dẫn đến việc giao tiếp và giảng dạy giữa thầy và trò rất thấp.

### **Những hạn chế trong một số chính sách về giáo dục đối với người dân tộc thiểu số thuộc vùng đặc biệt khó khăn**

Chính sách cho giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn hiện đang thực hiện đã bộc lộ nhiều bất cập, một số chính sách chỉ mang tính giải quyết tình thế là chính, chưa đáp ứng yêu cầu hình thành chiến lược lâu dài hướng tới tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đủ khả năng giải quyết triệt để vấn đề giảm nghèo bền vững.

Năm học 2009 - 2010, toàn quốc có 294 trường phổ thông dân tộc nội trú (tăng 9 trường so với năm học trước) và 1.736 trường bán trú. Có khoảng 70.000 học sinh được hưởng học bổng chính sách. Việc mở thêm cấp trung học phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện và các trường thuộc Trung ương đã tạo thêm cơ hội để nhiều học sinh các dân tộc thiểu số được học cấp trung học phổ thông nhưng lại tạo ra sự chông chéo trong đào tạo hệ dự bị đại học của các trường thuộc Trung ương. Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú phát triển quy mô không đồng đều. Trong khi có nhiều trường quy mô vượt quy định thì có trường lại chưa đạt. Năm học 2006 - 2007, khoảng 39% số trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh và 25% trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện vượt quy mô tối đa (như An Giang: 686 học sinh, Nghệ An: 557 học sinh, Hòa Bình: 532 học sinh...). Nhiều trường có quy mô dưới tối thiểu (trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hậu Giang: 176 học sinh, Bà Rịa - Vũng Tàu: 188...).

- Thực hiện Luật Giáo dục, Chính sách ưu tiên cử tuyển học sinh, sinh viên vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp ở một số địa phương thường xuyên không đạt chỉ tiêu, nhất là các dân tộc thiểu số sinh sống ở các vùng đặc biệt khó khăn rất thiếu cán bộ như La Chí, Hà Nhì...

Sự phối hợp giữa chính quyền các cấp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa chặt chẽ nên cơ cấu ngành nghề được đào tạo cử tuyển chưa phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhiều nơi nảy sinh các sai sót trong việc cử tuyển, “lách luật” để giành chỉ tiêu đào tạo như: thay đổi địa chỉ cư trú, thay đổi thành phần dân tộc để được xét cử tuyển. Tình trạng một bộ phận sinh viên diện cử tuyển đã phá bỏ cam kết để tìm việc ở thành phố, ngược lại, có địa phương cử học sinh đi học khi trở về lại không nhận, không sử dụng hết nguồn cán bộ đã được đào tạo dẫn đến lãng phí.

Ngoài ra còn những bất cập khác như sự trói bó vì phải qua nhiều tục phiền toái, cứng nhắc về hành chính nên ở nhiều xã đặc biệt khó khăn không bảo đảm chất lượng và không đủ nguồn(4) cử tuyển.

Chính sách ưu tiên điểm đối với thí sinh thi tuyển đầu vào các trường đại học, cao đẳng được quy định theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy. Câu hỏi đặt ra là chính sách cộng thêm điểm có làm giảm chất lượng đầu vào và tạo ra tâm lý ỷ lại vào Nhà nước?! Vì thế, nên chăng thay bằng việc hoàn thiện chính sách dự bị đại học, tăng số năm học phổ thông cho học sinh thuộc diện được cử tuyển để nâng chất lượng đầu vào các trường cao đẳng, đại học?

- Chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí đối với học sinh dân tộc bán trú địa bàn các xã đặc biệt khó khăn cũng có một số hạn chế như: thời gian thực hiện chính sách ngắn, chưa đủ để tạo ra hiệu quả xã hội. Năm học hằng năm bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 5 năm sau. Nhưng theo Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg, thì thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ chỉ tính “từ tháng 9 năm 2007 đến hết tháng 5 năm 2010”. Đối tượng được thụ hưởng 3 niên học (2007 - 2008, 2008 - 2009 và 2009 - 2010). Năm 2010 là năm kết thúc thời hiệu nhiều chính sách giai đoạn 2006 - 2010, nếu thực hiện như Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg thì 4 tháng còn lại của năm 2010 sẽ là một trở ngại lớn, học sinh rất dễ bỏ học.

Mức hỗ trợ học sinh bán trú theo học tại các trường phổ thông là 140.000 đồng/tháng/người x 9 tháng/năm. Trong thực tế mô hình trường phổ thông bán trú chỉ tập trung ở khu vực miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung, các tỉnh Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, lượng học sinh bán trú được hưởng chính sách này rất ít do các em phải lao động giúp gia đình nên không dám theo học. Hơn nữa, dù có khoản trợ giúp nhưng hằng tháng vẫn phải chi phí thêm. Những hộ nghèo nhất không thể cấp thêm tiền nên đành cho con học tại các trường khác. Việc điều chỉnh mức học bổng chính sách theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chỉ được áp dụng với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học, còn một bộ phận cũng là dân tộc thiểu số theo học tại các khoa dự bị đại học ở trường khác lại không được thụ hưởng chính sách, gây mất công bằng xã hội giữa các dân tộc.

Chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đối với nhà giáo từ miền xuôi lên công tác ở miền núi về một số phụ cấp ưu đãi theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP chưa đủ mạnh để tạo điều kiện cho nhà giáo và cán bộ quản lý yên tâm công hiến và chưa tạo thành động lực để thu hút nhà giáo tình nguyện đến công tác ở vùng dân tộc.

Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong thực hiện một số chính sách giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn trước hết và bao trùm là sự lúng túng và thiếu định hướng thực tế rõ ràng trong các chính sách, phong trào vận động giáo dục cho vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn của ngành giáo dục và đào tạo. Ví dụ phong trào “Hai không”. Một số địa phương như Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An cho rằng, một trong những lý do dẫn đến tình trạng học sinh dân tộc bỏ học nhiều ở các địa phương là do kết quả thực hiện “hai không” không tính tới đặc thù văn hóa đã tạo nên hiệu ứng ngược, học sinh bị sốc trước kết quả đánh giá của nhà trường dẫn đến chán nản và bỏ học tăng đột biến.

Một cái nhìn chung về hiện trạng “khủng hoảng” giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam được thể hiện trong Đề án Cải cách giáo dục Việt Nam mà các nhà nghiên cứu giáo dục từ nhiều nước đã nêu là một nền giáo dục mất phương hướng, dường như chỉ nhằm tăng thu nhập cho giáo chức và người quản lý, chạy theo thành tích, tìm cách mở trường đại học ồ ạt, nhận sinh viên và cấp bằng, bất chấp yêu cầu tối thiểu về số lượng và chất lượng.

### **Suy nghĩ về những giải pháp đặt ra của ngành giáo dục và đào tạo**

Báo cáo “Tình hình giáo dục dân tộc hiện nay và phương hướng phát triển đến năm 2020” của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu một số giải pháp về giáo dục, trong đó có xây dựng chính sách giáo dục cho vùng dân tộc thiểu số với các trọng tâm: Tiếp tục củng cố cơ sở vật chất, phát triển hệ thống trường, lớp, cơ sở giáo dục; triển khai chương trình, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với điều kiện học tập của học sinh dân tộc; nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng dân tộc đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức tốt các hình thức giáo dục nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, quan tâm đời sống của đội ngũ giáo viên ở các vùng dân tộc và miền núi; tăng tỷ lệ ngân sách cho giáo dục vùng dân tộc.

Xây dựng và bổ sung chính sách phù hợp bao gồm: chính sách về tuyển sinh đào tạo và sử dụng sau đào tạo; về đãi ngộ, phát triển, luân chuyển đội ngũ giáo viên các cấp; về tài chính và huy động nguồn lực đầu tư; về ưu đãi cho cán bộ công tác ở các sở, phòng giáo dục và đào tạo vùng đặc biệt khó khăn.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quản lí.

Vận động sâu rộng toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số.

Đây là những giải pháp cần thiết, song khi đối chiếu với thực trạng và những bất cập hoặc sự lạc hậu của chính sách thì phương hướng trên chưa đề cập đến giáo dục cho vùng đặc biệt khó khăn như một vùng dân cư có những nhu cầu giáo dục đặc thù. Chẳng hạn giải pháp về nâng cao tỷ lệ đến trường của học sinh dân tộc thiểu số trong độ tuổi; giải pháp nhằm ngăn chặn nạn tiêu cực phát sinh trong chính sách cử tuyển, chính sách ưu tiên điểm cho học sinh dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn,... chưa được đề cập đến chương trình giáo dục phổ cập bằng tiếng dân tộc, về bình đẳng giới, về chất lượng nguồn nhân lực đầu vào... Như vậy, câu trả lời về chất lượng nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững từ động lực quan trọng nhất là giáo dục dường như vẫn là điều còn bỏ ngỏ./.

(1) Thực ra, phát triển giáo dục cho vùng dân tộc thiểu số thuộc địa bàn khó khăn, không chỉ là vấn đề nan giải ở Việt Nam mà diễn ra ở hầu khắp các nước đang phát triển có vùng dân tộc thiểu số. Hiện thế giới có khoảng 101 triệu trẻ em không được đến trường, trong đó 50% - 70% là trẻ dân tộc thiểu số. Tại châu Phi, tình trạng còn bi đát hơn. “Khoảng 60% các em không được đến trường, do cuộc sống khó khăn, đói rách, cha mẹ các em kiếm sống chật vật nên không đưa con đi học. Có khoảng 10 triệu trẻ em trên thế giới bị từ chối đến trường vì là người dân tộc thiểu số”. (Marc Latime, giám đốc điều hành Tổ chức quyền Dân tộc thiểu số quốc tế, dẫn theo Minh, Lê Vũ Nguyệt. <http://unescovietnam.vn>)

(2) (Vũ Đức Thanh. <http://nccd.molisa.gov.vn>)

(3) 9 dân tộc rất ít người là: Ô Đu, Pu Péo, Si La, Rơ Măm, Công, Brâu, Bô Y, Mảng và Cờ Lao, tất cả còn khoảng 5.000 người. Các dân tộc này phân bố chủ yếu ở các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu, Nghệ An và Kon Tum

**Tô Duy Hợp**  
**Phạm Đức Nghiệm**